

Bản án số: 308/2026/DS-ST  
Ngày: 07/5/2026  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng.**

**2. Ông Hoàng Duy Hùng.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng C**

Địa chỉ: **Số A phố L, phường H, thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Huỳnh Q** – Giám đốc **Phòng C** (có mặt).

Địa chỉ: **Số A đường P, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn: **Lê Ngọc L**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Căn cước số: 082173000988.

Địa chỉ: **Khu phố I, phường G, tỉnh Đồng Tháp.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **N** hành Chính sách xã hội trình bày: Ngày 08/8/2024, **Ngân hàng C** xã hội có cho chị **L** vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000729046198/2024/HĐ-TD và theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2024, hình thức vay tín chấp, thời hạn cho vay là 60 tháng (hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/8/2029), mục đích vay: hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng

việc làm, phương thức cho vay: trả theo phân kỳ 06 tháng trả 01 kỳ theo khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng, lãi suất là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm, trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 09.

Sau khi vay đến nay, chị **L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, chị **L** đã vi phạm 03 phân kỳ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần gửi Thông báo nợ đến hạn cho chị **L**, kết hợp với Ủy ban nhân dân phường **G** và Hội Cựu chiến binh phường nhiều lần đến vận động chị **L** tìm phương án trả nợ nhưng sau đó, chị **L** cố tình trốn tránh, không hợp tác. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu chị **L** trả số tiền còn nợ là 53.247.311 đồng, trong đó: Tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/5/2026 là 3.247.311 đồng.

- Bị đơn chị **Lê Ngọc L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị **L** vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa **Ngân hàng C** và chị **L** là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị **L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị **L**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa **Ngân hàng C** yêu cầu chị **L** có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 53.247.311 đồng, trong đó: Tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/5/2026 là 3.247.311 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật, theo Hợp đồng tín dụng số 6600000729046198/2024/HĐ-TD ngày 08/8/2024.

Xét thấy, **Ngân hàng C** xã hội có cho chị **L** vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000729046198/2024/HĐ-TD ngày 08/8/2024 và theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/8/2024, hình thức vay tín chấp, thời hạn cho vay là 60 tháng (hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/8/2029), ngày giải ngân là ngày 09/8/2024, mục đích vay: Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, phương thức cho vay: Trả theo phân kỳ 06 tháng trả 01 kỳ, lãi suất là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm, trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 09. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay, chị **L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, cụ thể chị **L** đã vi phạm 03 phân kỳ trả nợ (Ngày 09/02/2025, ngày 09/8/2025 và ngày 09/02/2026) và **Ngân hàng C** đã nhiều lần gửi Thông báo nợ đến hạn cho chị **L**. Vì vậy, chị **L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 5 Điều 1 và điểm d Điều 5 của hợp đồng tín dụng trên.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị **L** đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** nên Hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của **Ngân hàng C** là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị **L** có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 07/5/2026 là 53.247.311 đồng. Kể từ ngày 08/5/2026, chị **L** còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6600000729046198/2024/HĐ-TD ngày 08/8/2024.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **L** có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C**.**

- Buộc chị **Lê Ngọc L** có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 07/5/2026 là 53.247.311 (*Năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm mười một*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/8/2026, chị **L** còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6600000729046198/2024/HĐ-TD ngày 08/8/2024.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **L** phải chịu án phí là 2.662.365 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, **Ngân hàng C** được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm. Riêng chị **L** thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- THADS tỉnh DT;
- VKSND KV2 - DT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**